

Hạ Long, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
  - Mã chứng khoán : RIC
  - Địa chỉ trụ sở chính : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
  - Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728
  - Người thực hiện CBTT : *ông Phạm Ngọc Nam*  
Chức vụ : Phó tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính bán niên năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08 / 2017 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**TM. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Phạm Ngọc Nam*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Điền Nghệ Thần	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)

**Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ bằng Đô la Mỹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời lập báo cáo tài chính chuyển đổi từ báo cáo tài chính giữa niên độ bằng Đô la Mỹ nói trên theo quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Ngọc Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Ủy quyền ngày 07 tháng 8 năm  
2017 của Tổng Giám đốc)

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Số: 252 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ. Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này đã được Ban Giám đốc Công ty lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ. Tại ngày 07 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Thông báo số 4469/TB-PTQD của Trung tâm phát triển quỹ đất- UBND Thành phố Hạ Long - về việc làm thủ tục để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công viên Đại Dương theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành với số tiền đền bù theo Quyết định này là 164.540.250.000 VND. Công ty đã nhận được số tiền đền bù này vào ngày 08 tháng 8 năm 2017.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200 trong việc công bố ra công chúng và nộp báo cáo tài chính giữa niên độ cho cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

### Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chúng tôi đã phát hành báo cáo soát xét đề ngày 10 tháng 8 năm 2017 về báo cáo tài chính giữa niên độ đó với kết luận chấp nhận toàn phần.



**Phạm Hoài Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2013-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>321.463.462.200</b>	<b>331.810.585.220</b>
I. Tiền	110	4	47.730.064.200	73.052.924.390
1. Tiền	111		47.730.064.200	73.052.924.390
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		261.546.744.100	247.039.209.330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	80.155.947.300	66.898.072.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.774.800.600	15.681.290.620
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	165.140.366.200	164.602.340.820
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(524.370.000)	(142.494.370)
III. Hàng tồn kho	140	8	11.005.572.900	11.506.744.280
1. Hàng tồn kho	141		11.795.215.100	12.297.430.060
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(789.642.200)	(790.685.780)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.181.081.000	211.707.220
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.181.081.000	211.707.220
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.009.607.265.700</b>	<b>1.038.308.877.570</b>
I. Tài sản cố định	220		924.689.153.500	956.298.673.890
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	904.118.186.500	932.987.195.030
- Nguyên giá	222		1.216.450.982.300	1.218.162.866.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(312.332.795.800)	(285.175.671.520)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	20.570.967.000	23.311.478.860
- Nguyên giá	228		101.679.610.600	101.774.052.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.108.643.600)	(78.462.573.470)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		58.240.595.500	54.956.321.240
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	58.240.595.500	54.956.321.240
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.520.629.700	9.533.212.030
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.520.629.700	9.533.212.030
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.156.887.000	17.520.670.410
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.018.389.100	8.777.553.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	631.627.500	594.639.530
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.506.870.400	8.148.477.700
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.331.070.727.900</b>	<b>1.370.119.462.790</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>311.474.009.400</b>	<b>317.308.231.510</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182.847.296.900</b>	<b>180.221.624.000</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.990.866.400	9.194.716.870
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	26.566.559.100	18.453.123.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	18.120.547.400	13.751.763.650
4. Phải trả người lao động	314		14.867.569.300	18.276.942.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		382.222.600	440.416.480
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.584.100	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	16.034.440.100	22.557.388.380
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	94.860.507.900	97.547.272.450
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>128.626.712.500</b>	<b>137.086.607.510</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	82.753.599.100	82.862.965.090
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	43.239.277.800	51.392.870.950
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.633.835.600	2.830.771.470
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.019.596.718.500</b>	<b>1.052.811.231.280</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.019.596.718.500</b>	<b>1.052.811.231.280</b>
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		295.342.953.398	296.746.517.288
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(72.003.073.507)	(40.192.124.617)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(40.192.124.617)	(21.640.749.310)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(31.810.948.890)	(18.551.375.307)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.331.070.727.900</b>	<b>1.370.119.462.790</b>

  
 Cao Thị Huyền  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Linh Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Phạm Ngọc Nam  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>140.774.795.540</b>	<b>126.662.112.144</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	401.616.351
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		-	401.616.351
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>140.774.795.540</b>	<b>126.260.495.793</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		127.815.991.980	107.155.699.635
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>12.958.803.560</b>	<b>19.104.796.158</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.307.482.240	2.080.706.652
7. Chi phí tài chính	22	23	7.702.392.780	9.146.937.012
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.763.866.310	8.226.887.532
8. Chi phí bán hàng	25	24	12.530.665.950	13.575.669.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	26.510.564.890	17.037.143.658
<b>10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(31.477.337.820)</b>	<b>(18.574.247.703)</b>
11. Thu nhập khác	31		1.024.839.230	978.837.870
12. Chi phí khác	32		1.396.206.460	1.672.272.636
<b>13. (Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(371.367.230)</b>	<b>(693.434.766)</b>
<b>14. Tổng(Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(31.848.705.050)</b>	<b>(19.267.682.469)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	(37.756.160)	1.942.945.113
<b>17.(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(31.810.948.890)</b>	<b>(21.210.627.582)</b>
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(452)	(301)

  
**Cao Thị Huyền**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Linh Chi**  
 Kế toán trưởng

  
**Phạm Ngọc Nam**  
 Phó Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(31.848.705.050)</b>	<b>(19.267.682.469)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.259.876.860	29.564.301.330
Các khoản dự phòng	03	188.780.800	(9.714.680.859)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	90.215.440	223.239.411
(Lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05	(201.419.130)	(272.997.189)
Chi phí lãi vay	06	6.763.866.310	8.226.887.532
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.252.615.230</b>	<b>8.759.067.756</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(16.743.268.660)	22.165.570.095
Thay đổi hàng tồn kho	10	116.785.430	(543.222.606)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.151.526.100	6.622.500.957
Thay đổi chi phí trả trước	12	(221.976.270)	1.827.514.221
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.818.753.420)	(8.281.518.264)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.263.071.590)</b>	<b>30.549.912.159</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.185.784.270)	(17.655.561.756)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	201.419.130	272.997.189
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.984.365.140)</b>	<b>(17.382.564.567)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	83.160.642.510	90.013.340.406
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.159.370.420)	(80.692.564.113)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.998.727.910)</b>	<b>9.320.776.293</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(25.246.164.640)</b>	<b>22.488.123.885</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>73.052.924.390</b>	<b>39.164.599.320</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	30.835.710	(301.206.675)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	(107.531.260)	(365.395.455)
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61+62)</b>	<b>70</b>	<b>47.730.064.200</b>	<b>60.986.121.075</b>



**Cao Thị Huyền**  
 Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



**Nguyễn Linh Chi**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Ngọc Nam**  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPDC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.704 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.815 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệt theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính chuyên đổi giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính chuyên đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính chuyên đổi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét. Số liệu so sánh của Thuyết minh số 20- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh - được trình bày lại cho phù hợp với việc tái cấu trúc các bộ phận của Công ty kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 (xem thêm tại thuyết minh số 20).

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ**

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác) được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam theo Thông tư 200 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

### **Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

#### **Loại hàng tồn kho**

Hàng ăn  
Hàng giải khát  
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ  
Vật tư khác

#### **Phương pháp tính giá**

Nhập trước - Xuất trước  
Bình quân gia quyền  
Giá đích danh  
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Kỳ này</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bàng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	22.595.489.200	28.896.285.320
Tiền gửi ngân hàng	25.134.575.000	44.156.639.070
	<b><u>47.730.064.200</u></b>	<b><u>73.052.924.390</u></b>

#### 5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>			<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.520.629.700	-	9.520.629.700	9.533.212.030	-	9.533.212.030
	<b><u>9.520.629.700</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.520.629.700</u></b>	<b><u>9.533.212.030</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.533.212.030</u></b>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đại lý Ta Yang Chen	23.351.421.900	20.873.731.820
Đại lý Long Bay	22.696.640.400	30.787.444.050
Tập đoàn giải trí Kim Long (câu lạc bộ)	13.620.000.000	-
Ông Liu Chung Chi	8.399.000.000	-
Ông Fu Yu Shing	5.675.000.000	-
Ông Tang Yu Hua	3.405.000.000	-
Khách đoàn Long Bay	652.511.500	3.646.528.440
Đại lý Chúng Phát	250.471.800	2.379.058.180
Tập đoàn giải trí Kim Long (thuê bao phòng)	-	7.043.776.970
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.105.901.700	2.167.532.800
	<b>80.155.947.300</b>	<b>66.898.072.260</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền bồi thường (*)	164.470.171.400	164.439.616.750
Phải thu khác	670.194.800	162.724.070
	<b>165.140.366.200</b>	<b>164.602.340.820</b>

(\*) Bao gồm giá trị phải thu tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất và đền bù khác từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND thành phố Hạ Long, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>VND</u>	<u>USD tương đương</u>	<u>VND</u>	<u>USD tương đương</u>
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất (i)	164.540.250.000	7.254.861	164.540.250.000	7.254.861
Các khoản đền bù khác (ii)	437.090.000	19.268	405.769.000	17.891
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(28.747)	-	(38.277)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	(507.168.600)	-	(506.402.250)	-
<b>Phải thu tiền bồi thường</b>	<b>164.470.171.400</b>	<b>7.245.382</b>	<b>164.439.616.750</b>	<b>7.234.475</b>

(i) Giá trị đền bù quyền sử dụng đất là giá trị được phê duyệt với số tiền 164.540.250.000 VND theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 đính chính Quyết định số 4765/QĐ-UBND về việc nguồn kinh phí sẽ được chi trả từ nguồn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh. Các Quyết định này thay thế cho Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 và thu hồi các văn bản trước đây liên quan tới giá trị đền bù quyền sử dụng đất đã công bố là 172.119.334.000 VND. Tại ngày 07 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Thông báo số 4469/TB-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất- UBND Thành phố Hạ Long - về việc làm thủ tục để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công viên Đại Dương theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành với số tiền đền bù theo Quyết định này là 164.540.250.000 VND. Công ty đã nhận được số tiền đền bù này vào ngày 08 tháng 8 năm 2017.

(ii) Trong kỳ, Công ty nhận được thêm quyết định về các khoản đền bù, hỗ trợ di chuyển tài sản trong Công viên là khoảng 31 triệu VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.754.475.800	-	7.293.579.670	(62.234.740)
Hàng hóa	5.040.739.300	(789.642.200)	5.003.850.390	(728.451.040)
	<b>11.795.215.100</b>	<b>(789.642.200)</b>	<b>12.297.430.060</b>	<b>(790.685.780)</b>

**9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	871.864.815.770	266.614.808.120	27.813.178.090	18.328.994.670	33.541.069.900	1.218.162.866.550
Tăng do mua sắm	-	-	-	886.412.300	-	886.412.300
Thanh lý trong kỳ	-	-	990.514.500	-	-	990.514.500
Giảm khác	(408.600)	(90.800)	-	-	499.400	-
Chênh lệch tỷ giá	(1.150.723.470)	(351.889.320)	(36.708.990)	(24.191.370)	(44.268.900)	(1.607.782.050)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>870.713.683.700</b>	<b>266.262.828.000</b>	<b>26.785.954.600</b>	<b>19.191.215.600</b>	<b>33.497.300.400</b>	<b>1.216.450.982.300</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	119.115.428.500	125.844.758.650	11.149.360.490	9.794.084.240	19.272.039.640	285.175.671.520
Khấu hao trong kỳ	10.153.551.100	12.224.971.500	1.440.655.500	1.696.552.600	3.008.294.800	28.524.025.500
Thanh lý trong kỳ	-	-	990.514.500	-	-	990.514.500
Điều chỉnh khác	45.400	(2.133.800)	(22.700)	-	2.111.100	-
Chênh lệch tỷ giá	(157.213.500)	(166.095.150)	(14.715.390)	(12.926.640)	(25.436.040)	(376.386.720)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>129.111.811.500</b>	<b>137.901.501.200</b>	<b>11.584.763.400</b>	<b>11.477.710.200</b>	<b>22.257.009.500</b>	<b>312.332.795.800</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>741.601.872.200</b>	<b>128.361.326.800</b>	<b>15.201.191.200</b>	<b>7.713.505.400</b>	<b>11.240.290.900</b>	<b>904.118.186.500</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>752.749.387.270</b>	<b>140.770.049.470</b>	<b>16.663.817.600</b>	<b>8.534.910.430</b>	<b>14.269.030.260</b>	<b>932.987.195.030</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 836.805.013.900 VND (31 tháng 12 năm 2016: 863.686.629.960 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 3.573.615.600 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.663.894.160 VND) và thiết bị đang chờ tiêu hủy với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 3.457.573.200 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.462.142.680 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.036.448.100 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 38.306.414.400 VND).

Tại ngày 26 tháng 6 năm 2017, Công ty đã có Thông báo số 01-26062017TBKS về việc sẽ dừng hoạt động kinh doanh khu vực nhà hát múa rối để cải tạo phục vụ mục đích kinh doanh khác của Công ty và hoạt động này sẽ chính thức dừng từ ngày 11 tháng 7 năm 2017. Nguyên giá tài sản cố định và khấu hao lũy kế của tài sản cố định liên quan đến hoạt động múa rối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là: 11.285.622.800 VND và 3.442.091.800 VND đang tạm dừng sử dụng tại thời điểm lập báo cáo và sẽ được chuyển đổi mục đích sử dụng.

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	99.881.711.640	1.892.340.690	101.774.052.330
Tăng trong kỳ	-	39.883.900	39.883.900
Chênh lệch tỷ giá	(131.828.040)	(2.497.590)	(134.325.630)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>99.749.883.600</b>	<b>1.929.727.000</b>	<b>101.679.610.600</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	76.910.478.150	1.552.095.320	78.462.573.470
Khấu hao trong kỳ	2.699.143.500	50.484.800	2.749.628.300
Điều chỉnh khác	(1.725.200)	1.725.200	-
Chênh lệch tỷ giá	(101.509.650)	(2.048.520)	(103.558.170)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>79.506.386.800</b>	<b>1.602.256.800</b>	<b>81.108.643.600</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.243.496.800</b>	<b>327.470.200</b>	<b>20.570.967.000</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>22.971.233.490</b>	<b>340.245.370</b>	<b>23.311.478.860</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.400.930.500 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.402.781.950 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số đầu kỳ	54.956.321.240	35.536.567.440
Tăng trong năm	6.080.399.300	41.197.488.560
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(19.086.744.680)
Giảm khác	(2.723.591.400)	(3.150.241.620)
Chênh lệch tỷ giá	(72.533.640)	459.251.540
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>58.240.595.500</b>	<b>54.956.321.240</b>

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	46.291.111.200	42.346.262.760
- Chi phí thiết kế dự án mới	5.707.960.400	5.707.162.050
- Sửa chữa	4.280.970.300	4.939.751.790
- Chi phí thiết kế công trình đang thi công	1.960.553.600	1.963.144.640
	<b>58.240.595.500</b>	<b>54.956.321.240</b>
Chi tiết xây dựng cơ bản		
- Khu nhà đa năng	43.130.045.400	40.713.657.780
- Khu cầu lạc bộ	1.810.642.800	1.632.604.980
- Khác	1.350.423.000	-

**12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

	Dự phòng trợ cấp thời việc VND	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi VND	Tổng VND
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>566.158.840</b>	<b>28.480.690</b>	<b>594.639.530</b>
Ghi nhận trong kỳ	(38.618.380)	76.374.540	37.756.160
Chênh lệch tỷ giá	(764.260)	(3.930)	(768.190)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>526.776.200</b>	<b>104.851.300</b>	<b>631.627.500</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dụ Thành	999.503.700	999.503.700	1.525.955.820	1.525.955.820
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	1.273.265.700	1.273.265.700	1.273.266.410	1.273.266.410
Phải trả cho các đối tượng khác	9.718.097.000	9.718.097.000	6.395.494.640	6.395.494.640
<b>Cộng</b>	<b>11.990.866.400</b>	<b>11.990.866.400</b>	<b>9.194.716.870</b>	<b>9.194.716.870</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (*)	25.739.371.100	18.272.487.890
Khác	827.188.000	180.635.310
	<b>26.566.559.100</b>	<b>18.453.123.200</b>

(\*) Giá trị ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng - xem thêm tại Thuyết minh số 28 về Cam kết cho thuê hoạt động.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	2.395.742.000	14.017.976.400	10.643.008.500	(3.162.000)	5.767.547.900
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	227.385.900	227.385.900	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.504.014.010	25.470.580.400	21.387.758.400	(9.904.110)	11.576.931.900
Thuế nhập khẩu	-	271.083.400	271.083.400	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	379.386.430	2.467.126.800	2.069.944.900	(500.730)	776.067.600
Thuế khác	3.472.621.210	-	3.468.037.900	(4.583.310)	-
<b>Cộng</b>	<b>13.751.763.650</b>	<b>42.454.152.900</b>	<b>38.067.219.000</b>	<b>(18.150.150)</b>	<b>18.120.547.400</b>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	655.008.500	549.997.810
- Đại lý Long Bay	150.001.600	149.995.270
- Đại lý Kim Long	399.996.700	400.002.540
- Công ty TNHH Hoa Sen Hạ Long	105.010.200	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.379.431.600	22.007.390.570
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.194.282.100	1.926.913.020
+ Chip trôi nổi	4.873.780.800	13.650.569.690
+ Bảo hành xây dựng	2.708.155.400	4.730.567.600
+ Kinh phí công đoàn	748.350.900	-
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	150.069.700	150.063.460
+ Khác	1.704.792.700	1.549.276.800
<b>Cộng</b>	<b><u>16.034.440.100</u></b>	<b><u>22.557.388.380</u></b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	82.753.599.100	82.862.965.090
- Đại lý Đại Dương Thành	34.050.000.000	34.095.000.000
- Đại lý Long Bay	26.003.599.100	26.037.965.090
- Đại lý Kim Long	22.700.000.000	22.730.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>82.753.599.100</u></b>	<b><u>82.862.965.090</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ VND		Trong kỳ VND		Số cuối kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	59.135.322.660	59.135.322.660	64.284.629.400	63.931.258.500	(78.049.260)	59.410.644.300
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	22.104.743.160	22.104.743.160	19.161.728.300	22.095.862.200	(29.174.760)	19.141.434.500
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	16.307.206.630	16.307.206.630	8.085.762.700	8.063.017.300	(21.522.930)	16.308.429.100
	<b>97.547.272.450</b>	<b>97.547.272.450</b>	<b>91.532.120.400</b>	<b>94.090.138.000</b>	<b>(128.746.950)</b>	<b>94.860.507.900</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,64 triệu USD (tỷ giá 22.700 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 10 năm 2017. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 18 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND tương đương 1,32 triệu USD (tỷ giá 22.700 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 31 tháng 5 năm 2017. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 thể hiện các khoản giải ngân trong kỳ và sẽ được trả nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phần phối điện. Tại ngày 21 tháng 7 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2017/HM/HG-VCBHL với hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND tương đương 881 ngàn USD (tỷ giá 22.700 VND/USD) có thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký. Hợp đồng này thay thế cho hợp đồng hạn mức tín dụng nêu trên, các tài sản thế chấp không thay đổi.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ VND		Trong kỳ VND		Số cuối kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	50.317.673.760	50.317.673.760	-	7.933.581.900	(66.411.360)	42.317.680.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	1.075.197.190	1.075.197.190	-	152.180.800	(1.419.090)	921.597.300
	<b>51.392.870.950</b>	<b>51.392.870.950</b>	<b>-</b>	<b>8.085.762.700</b>	<b>(67.830.450)</b>	<b>43.239.277.800</b>

112  
ING  
THÊM  
LOẠI  
TÀI  
12

(i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,48 triệu USD (tỷ giá 22.700 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2016: 170 tỷ VND).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với số tiền là 1,54 tỷ VND tương đương 67,66 nghìn USD (tỷ giá 22.700 VND/USD), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 8,8%/năm trong năm đầu tiên và trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam + biên 2,8%/năm từ năm thứ 2 trở đi. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng xe ô tô khách 29 chỗ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	16.308.429.100	16.307.206.630
Trong năm thứ hai	16.308.429.100	16.307.206.630
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.930.848.700	35.085.664.320
	<b>59.547.706.900</b>	<b>67.700.077.580</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 17)	(16.308.429.100)	(16.307.206.630)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>43.239.277.800</b>	<b>51.392.870.950</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(21.607.024.810)	283.278.712.801	1.057.928.526.600
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(21.210.627.582)	-	(21.210.627.582)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(7.704.872.493)	(7.704.872.493)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>703.687.540.000</b>	<b>81.363.105.200</b>	<b>11.206.193.409</b>	<b>(42.817.652.392)</b>	<b>275.573.840.308</b>	<b>1.029.013.026.525</b>
Số dư đầu kỳ này	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(40.192.124.617)	296.746.517.288	1.052.811.231.280
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(31.810.948.890)	-	(31.810.948.890)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(1.403.563.890)	(1.403.563.890)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>703.687.540.000</b>	<b>81.363.105.200</b>	<b>11.206.193.409</b>	<b>(72.003.073.507)</b>	<b>295.342.953.398</b>	<b>1.019.596.718.500</b>



**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>Cổ phiếu</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>Cổ phiếu</b>
<b>Cổ phiếu được duyệt</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn đầu tư và vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2016: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối kỳ				Số đầu kỳ	
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty đã quyết định sát nhập 03 bộ phận kinh doanh của Công ty là khách sạn Hoàng Gia Hạ Long, Biệt thự và Ca múa nhạc dân tộc, theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty sẽ chỉ gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau. Số liệu so sánh là số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với bộ phận kinh doanh của kỳ hiện tại.

**Kỳ này**

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	62.026.881.540	78.747.914.000	-	140.774.795.540
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	10.568.502.820	22.109.794.010	-	32.678.296.830
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(33.223.333.320)</b>	<b>1.745.995.500</b>	-	<b>(31.477.337.820)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	886.021.810	39.866.330	-	925.888.140
5. Tài sản bộ phận	294.102.720.900	929.680.951.600	(313.385.985.000)	910.397.687.500
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	420.673.040.400
<b>Tổng tài sản</b>	<b>294.102.720.900</b>	<b>929.680.951.600</b>	<b>(313.385.985.000)</b>	<b>1.331.070.727.900</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	358.554.853.600	209.737.762.300	(313.385.985.000)	254.906.630.900
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	56.567.378.500
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>358.554.853.600</b>	<b>209.737.762.300</b>	<b>(313.385.985.000)</b>	<b>311.474.009.400</b>

**Kỳ trước**

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia (Trình bày lại)	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	23.793.382.614	102.467.113.179	-	126.260.495.793
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	9.193.543.017	21.151.906.251	-	30.345.449.268
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(49.899.831.315)</b>	<b>31.325.583.612</b>	-	<b>(18.574.247.703)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	8.520.829.482	1.543.094.649	-	10.063.924.131
5. Tài sản bộ phận	271.185.174.680	1.245.717.331.780	(556.694.386.220)	960.208.120.240
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	403.574.764.070
<b>Tổng tài sản</b>	<b>271.185.174.680</b>	<b>1.245.717.331.780</b>	<b>(556.694.386.220)</b>	<b>1.363.782.884.310</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	274.548.737.350	556.942.597.820	(556.694.386.220)	274.796.948.950
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	38.953.787.530
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>274.548.737.350</b>	<b>556.942.597.820</b>	<b>(556.694.386.220)</b>	<b>313.750.736.480</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	7.953.503.010	7.773.032.220
Chi phí nhân công	91.286.680.280	74.235.609.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.259.876.860	29.564.301.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	36.357.162.670	26.195.570.112
	<b>166.857.222.820</b>	<b>137.768.513.136</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.487.700	9.589.437
Lãi chênh lệch tỷ giá	847.199.220	928.767.150
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.452.795.320	1.142.350.065
	<b>2.307.482.240</b>	<b>2.080.706.652</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	6.763.866.310	8.226.887.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá	938.526.470	920.049.480
	<b>7.702.392.780</b>	<b>9.146.937.012</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	8.216.979.290	7.807.522.899
Chi phí dụng cụ sản xuất	285.304.060	994.239.087
Chi phí khấu hao TSCĐ	591.051.810	577.288.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	684.761.510	915.154.173
Các chi phí bằng tiền khác	2.752.569.280	3.281.465.106
	<b>12.530.665.950</b>	<b>13.575.669.843</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	18.237.881.650	17.410.572.876
Chi phí dụng cụ sản xuất	469.773.760	645.107.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	568.202.980	589.828.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.885.691.510	2.867.040.486
Các chi phí bằng tiền khác	4.349.014.990	5.239.274.964
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(9.714.680.859)
	<b>26.510.564.890</b>	<b>17.037.143.658</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	(31.848.705.050)	(19.267.682.469)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	7.056.635.380	10.733.307.069
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.100.056.580	928.923.621
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	(37.805.283.850)	(29.072.065.917)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-
<b>(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	(37.756.160)	1.942.945.113

**26. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(31.810.948.890)	(21.210.627.582)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(31.810.948.890)	(21.210.627.582)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(452)</b>	<b>(301)</b>

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
VND	4.460.993.364	3.552.494.453
KRW	260.000	1.639.000
JMP	164.970	164.554
THB	38.000	6.500
NTD	1.000	88.200
EUR	50	-
HKD	-	21.100
JPY	-	20.000
SGD	-	100

**28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

***Cam kết đầu tư***

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị đã đầu tư là 43.130.045.400 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 18.924.831.100 VND.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh về việc cho thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 02 năm 2026. Tại ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận với Diệu Doanh, theo đó, thời hạn cho thuê sẽ tính từ thời điểm Công ty bàn giao nhà cho Diệu Doanh, giá trị hợp đồng và các điều khoản khác không thay đổi.

***Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định***

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 29.119.650.800 VND (31 tháng 12 năm 2016: 30.152.617.880 VND).

***Cam kết trả tiền thuê đất***

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp  
Bà Nguyễn Tiểu Mai

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Thành viên hội đồng quản trị

***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	181.315.790	36.882.450
Cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn và ăn uống cho Bà Nguyễn Tiểu Mai	88.105.270	-

JO - C.  
 TY  
 HỮU HẠN  
 TTE  
 IAM  
 TP. HA

17  
 TY  
 AN  
 T  
 G  
 13/11

**Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	880.145.100	895.729.416

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	48.941.200	-
Bà Nguyễn Tiểu Mai	74.070.100	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	-	62.052.900

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 7.412.004.000 VND (kỳ 6 tháng năm 2016: 10.726.570.800 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 16.771.599.900 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2016: 15.574.546.350 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

**31. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Tại ngày 07 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Thông báo số 4469/TB-PTQD của Trung tâm phát triển quỹ đất- UBND Thành phố Hạ Long - về việc làm thủ tục để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công viên Đại Dương theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành với số tiền đền bù theo Quyết định này là 164.540.250.000 VND. Công ty đã nhận được số tiền đền bù này vào ngày 08 tháng 8 năm 2017.



Cao Thị Huyền  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Linh Chi  
Kế toán trưởng




Phạm Ngọc Nam  
Phó Tổng Giám đốc

